TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** TỈNH NAM ĐỊNH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ - ST
Ngày 20 - 9 - 2018
V/v: *"Ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Viết Sự.

Ông Ngụy Thanh Tuyên.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2018/TLST- HNGĐ ngày 03/4/2018 về tranh chấp: "*Ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/9/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Bích T - Sinh năm 1976; địa chỉ: Số nhà 215 NB, phường TQK, thành phố NĐ, tỉnh NĐ.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn L - Sinh năm 1975; nơi ĐKHKTT: Xóm 8 xã GL, huyện GT, tỉnh NĐ. Hiện đang chấp hành án tại trại giam NH, huyện KB,tỉnh HN.

Tại phiên tòa: Có mặt chị T, anh L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/11/2017, bản tự khai ngày 10/4/2018 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Vũ Bích T trình bày: Chị và anh Phạm Văn L trước khi kết hôn tự nguyện tìm hiểu và đã được UBND xã GL cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/8/1998. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh L nghiện ma túy và hiện đang chấp hành án tại trại giam NH, huyện KB, tỉnh HN. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị ngày 26/7/2018, bị đơn là anh Phạm Văn L trình bày: Anh và chị Th lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, trước khi cưới có đăng ký kết hôn

tại UBND xã GL, huyện GT, tỉnh NĐ vào ngày 12/8/1998. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 15 năm thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay và hiện anh đang chấp hành án tại trại giam NH, huyện KB, tỉnh HN. Nay chị T xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung chị T và anh L khai thống nhất: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Văn T - Sinh ngày 28/01/1999 và Phạm Thảo M - Sinh ngày 29/7/2008, vợ chồng ly hôn chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng đối với cháu T vì đã trưởng thành lao động tự lập được, còn cháu M chị nhận nuôi và không yêu cầu anh Lực cấp dưỡng. Nguyện vọng của anh L cũng đồng nhất là đề nghị giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, ruộng nhận khoán của HTX: Chị T và anh L đều khai là vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/7/2018, cháu Phạm Thảo M, là con chung của chị T và anh L trình bày: Không biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa bố mẹ, nay bố mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp, do anh L nghiện ma túy nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014, khả năng đoàn tụ không còn, nên có đủ cơ sở để giải quyết ly hôn. Về con chung, hiện anh L đang đi chấp hành án nên giao chị N nuôi dưỡng cháu M là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời khai của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Bích T và anh Phạm Văn L đã tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã GL vào ngày 12/8/1998 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được hơn mười năm thì xảy ra mâu thuẫn do anh L nghiện ma túy và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện GT đã gửi các văn bản tố tụng cho anh L, anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L mâu thuẫn đã trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy chấp nhận nguyện vọng của chị T xin ly hôn anh L là phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Cháu Phạm Văn T; sinh ngày 28/01/1999 đã trưởng thành, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét giải quyết. Cháu Phạm Thảo M, sinh ngày 29/7/2008 hiện chị T đang nuôi dưỡng, để ổn định cho việc học tập cũng như nguyện vọng của các cháu nên giao cháu M cho chị T tiếp tục nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị T không

yêu cầu nên anh L không phải cấp dưỡng, nhưng anh L được quyền thăm nom con chung khi có điều kiện.

[4] Về tài sản: Chị T và anh L đều khai là vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Vũ Bích T và anh Phạm Văn L.

2.Về con chung: Giao chị Vũ Bích T nuôi con chung là Phạm Thảo M, sinh ngày 19/7/2008 cho đến khi con chung trưởng thành có khả năng lao động tự lập được. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T nhưng được quyền thăm nom con chung khi có điều kiện.

3.Về án phí: Chị Vũ Bích T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số 07800 ngày 03/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy nay được chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã Giao Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Lâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Sự **Ngụy Thanh Tuyên** **Phạm Thanh Lâm**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã Giao Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Lâm